

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HS-PT

Ngày 20-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Việt.

Các Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng và ông Lê Tuấn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Tuyết Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 11/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo Ma Đình S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2020/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T.

Bị cáo có kháng cáo:

Ma Đình S, sinh ngày 05/5/1969, tại xã H, huyện L, tỉnh T. Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 05/10; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ma Đình T và bà Ma Thị N (đều đã chết); Vợ: Ma Thị T, sinh năm 1966; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1992.

Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân:

+ Tháng 8 năm 1996, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T tuyên phạt ba tháng tù về tội Đánh bạc.

+ Tháng 12 năm 2002, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T tuyên phạt sáu tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Tháng 3 năm 2011, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T tuyên phạt năm tháng sáu ngày tù về tội Đánh bạc.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Văn V - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại và 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/8/2008, Ma Đình S và Ma Thị T (vợ S) trú tại thôn B, xã H, huyện L, tỉnh T được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 824136 đối với 82.355m² đất rừng S xuất tại khu vực Khuổi Cưởm thuộc thôn B, xã H, huyện L, thuộc Lô 44 khoảnh 43A (theo bản đồ phân ba loại rừng 1859), hiện trạng là rừng tự nhiên.

Ngày 24/7/2014, Ma Đình X trú tại thôn B, xã H, huyện L (là con đẻ ở cùng nhà với S) làm Hợp đồng chuyển nhượng đất với ông Mạc Văn S (trú cùng thôn), Xuất mua của ông S thửa đất và tài S gắn liền với đất là cây rừng với diện tích là 22.712m² tại khu vực Khuổi Cưởm thuộc thôn B, xã H, huyện L với giá là 12.000.000 đồng, ông S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 824160 vào ngày 28/8/2008, hiện trạng đất rừng S xuất là rừng tự nhiên.

Tháng 02/2019, S gặp gỡ và quen biết với Hoàng Văn V, trú tại xã P, huyện H, tỉnh T, S nói với V muốn bán đất đồi, nếu V có nhu cầu mua thì đến xem, rồi hai bên trao đổi số điện thoại của nhau để liên lạc. Đầu tháng 3/2019, anh V đến nhà S và cùng S đi vào khu rừng Khuổi Cưởm thuộc thôn B để xem đất rừng. Sau đó S nhiều lần gọi điện cho V giục mua đất đồi, V nói với S là không mua đất rừng với lý do ở xa không quản lý được và đề nghị với S hợp tác để trồng keo, V chuẩn bị cây giống, phân bón và thuê người chăm sóc, còn S lo mặt bằng trồng cây keo, S đồng ý. Sau đó S hỏi V cho vay số tiền là 80.000.000 đồng để trả nợ, V đồng ý nhưng yêu cầu phải có tài S thế chấp. S dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 824160 mang tên Mạc Văn S và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 824136 mang tên Ma Đình S thế chấp vay tiền với V.

Đến giữa tháng 4/2019, S liên lạc với Lý Văn T, trú tại thôn B, xã T, huyện C để tìm người phát rừng, T đồng ý tìm người phát rừng thuê với giá 180.000 đồng/người/ngày, S thuê thêm Lý Thị N, trú tại thôn K, xã H để phát rừng cho S. Quá trình tìm người phát rừng, S không bàn bạc, thống nhất gì với bất cứ ai. Trong khoảng thời gian từ 26/4/2019 đến ngày 30/4/2019 S, N, T và Giàng Văn L, Xiên Sao T, Lù Thị G, Nùng Thị R, Ma Văn C, Lý Thị V, cùng trú tại thôn B, xã T, huyện C (*những người này do Tăng tìm cho S*) cùng đi lên khu vực rừng Khuổi Cưởm thuộc thôn B, xã H, dùng dao để phát rừng lô 23, 29, 44 khoảnh 43A, chức năng rừng S xuất là rừng tự nhiên (theo bản đồ 1859).

Ngày 04/5/2019, Hạt kiểm lâm huyện L phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, tiến hành kiểm tra khu rừng Khuổi Cưởm thuộc thôn B, xã H, huyện L, đã phát hiện S phá rừng trái phép. Quá trình khám nghiệm hiện trường xác định: Diện tích rừng mà Ma Đình S tự mình và thuê người chặt phá là 29.086m^2 (*Hai mươi chín nghìn không trăm tám mươi sáu mét vuông*), thuộc lô 23, 29, 44 khoảnh 43A, chức năng rừng S xuất là rừng tự nhiên (theo bản đồ 1859). Thiệt hại về lâm S gồm 320 cây Nứa và 2.190 cây thân gỗ bị chặt hạ từ nhóm VI đến nhóm VIII, có khối lượng là $40,445\text{m}^3$.

Đối với số lâm S bị thiệt hại gồm $40,445\text{m}^3$ gỗ trước đó vào khoảng tháng 5/2018, Ma Đình X bán các cây gỗ bồ đề (cây đứng) tại Lô 44 khoảnh 43A cho Bàn Phúc L trú tại thôn K, xã H; Đến tháng 02/2019, Lập bán các cây gỗ trên cho Lý Văn Dũng, trú tại thôn Bản Luông và Lý Văn Phú, trú tại thôn K, xã H. Ngày 02/5/2019, D và P sử dụng cưa máy khai thác số gỗ bồ đề tại lô 44 thành từng đoạn để bán, số lượng gỗ D, P khai thác được được xác định là $2,178\text{m}^3$; một số cây bồ đề khác tại Lô 44, khoảnh 43A trước đó bị cắt trộm được xác định có khối lượng là $2,058\text{m}^3$. Số còn lại là do S trực tiếp chặt phát và thuê người chặt phát.

Quá trình điều tra xác định toàn bộ diện tích rừng bị hủy hoại trên, Ma Đình S chưa hề bỏ vốn để cải tạo hoặc trồng lại rừng mà toàn bộ là rừng tự nhiên, S tự ý chặt, phát và dùng cưa máy cắt hạ cây rừng khi chưa được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào cho phép.

Như vậy, tổng trị giá tài S trong vụ án Hủy hoại rừng xảy ra tháng 4/2019, tại khu vực Khuổi Cưởm, thôn B, xã H là 15.111.000 đồng (bao gồm cả số gỗ bồ đề do Lý Văn D, Lý Văn P khai thác là $2,178\text{m}^3 = 661.000$ đồng và số gỗ bồ đề bị mất trộm trước khi S phát và thuê phát là $2,058\text{m}^3$). Số thiệt hại về lâm S còn lại do Ma Đình S trực tiếp chặt phát và thuê người chặt phát là 13.825.000 đồng (*Mười ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo **Ma Đình S** phạm tội Hủy hoại rừng;

Xử phạt bị cáo **Ma Đình S** 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30 tháng 01 năm 2020, bị cáo Ma Đình S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và xem lại các dấu hiệu oan sai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo. Rút nội dung xem xét dấu hiệu oan sai.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Ma Đình S 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù về tội Huỷ hoại rừng là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm Trợ giúp viên pháp lý cung cấp tài liệu bị cáo thuê nhân công trồng keo, thuê xe chở giống cây, phân bón...Tòa án xác minh bổ sung chứng cứ: Các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương xác nhận bị cáo nhận bị cáo khắc phục hậu quả trồng rừng có giá trị cao hơn giá trị thiệt hại; bị cáo được giao đất rừng S xuất từ năm 2008 đến nay chưa được thực hiện thủ tục giao rừng, bị cáo hạn chế nhận thức pháp luật, là tình tiết mới có giá trị để xem xét nội dung kháng cáo về hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ma Đình S, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T như sau:

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 243, Điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy bị cáo hạn chế nhận thức pháp luật, cây bị chặt phá là cây mọc trên đất, bị cáo được giao để làm rừng S xuất, sau khi gây án đã tích cực sửa chữa, sau khi xét xử sơ thẩm tiếp tục khắc phục hậu quả tạo thành rừng có giá trị cao hơn thiệt hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Khi được Hội đồng xét xử cho phép nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án và cho bị cáo hưởng án treo để tiếp tục chăm sóc, bảo vệ cây rừng có hiệu quả.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Trợ giúp viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo ghi ngày 20/01/2020, nhưng số công văn đến ngày 30/01/2020 vẫn trong thời hạn quy định nên được coi là trong hạn luật định và hợp lệ; thủ tục giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm đúng thẩm quyền theo trình tự tố tụng, bị cáo không kháng cáo về tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ma Đình S tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Do vậy, có đủ căn cứ xác định: khoảng thời gian từ 26/4/2019 đến ngày 30/4/2019 Ma Đình S đã có hành vi trực tiếp và thuê người chặt phát các cây rừng tại khu vực rừng Khuổi Cườm thuộc thôn B, xã H, huyện L thuộc lô 23, 29, 44 khoảnh 43A (theo bản đồ 1859) đối tượng là cây rừng tự nhiên trong diện tích giao rừng S xuất, không thuộc đối tượng rừng được phép phát, cải tạo, chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép. Diện tích rừng bị hủy hoại là 29.086 m², thiệt hại về lâm S là 40.445 m³ gỗ từ nhóm VI đến nhóm VIII và 320 cây nứa có tổng giá trị là 13.825.000 đồng (*mười ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Ma Đình S** phạm tội Hủy hoại rừng là có căn cứ.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và nội dung kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng, làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý chung của xã hội, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái rừng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm tình tiết mới có xác nhận của các cơ quan liên quan là đã tiếp tục khắc phục hậu quả đến mức có giá trị cao hơn mức thiệt hại; xét thấy việc bị cáo được giao đất làm rừng S xuất từ năm 2008, đến nay chưa được thực hiện thủ tục giao nhận cây rừng; việc gây thiệt hại đến cây rừng tự nhiên trên đất đã được giao làm rừng S xuất là do chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền; các cây rừng tự nhiên bị phá là cây nhỏ chưa xác định và không còn để xác định đã tồn tại trước hay từ khi giao đất hay mới mọc và phát triển sau khi giao đất năm 2008; nhân thân bị cáo đã bị kết án nhiều lần nhưng đã

được xóa án nhiều năm, việc trồng mới cây rừng cho giá trị cây rừng cao hơn giá trị bị thiệt hại và đòi hỏi phải tiếp tục được chăm sóc, bảo vệ để phát triển rừng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo đối với bị cáo, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị xử phạt bị cáo mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp nên có căn cứ xem xét nội dung kháng cáo đối với bị cáo.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, có căn cứ áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ma Đình S, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T.

[6] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ma Đình S, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 02/ 2020/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T như sau:

- Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Ma Đình S** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Hủy hoại rừng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 20/5/2020.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh T nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Về án phí: Bị cáo Ma Đình S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/5/2020).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng HSNV Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- CQCSĐT Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Hữu Việt